

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 11-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lưu Văn Uẩn

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Như – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2018/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Như Y, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 124, ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Số 2040, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1991.

Cư trú: Số 124, ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1968; Cư trú tại: Số 166, Ấp 5, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Phạm Văn V.

(Bà Y, ông V và ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Như Y trình bày:*

Năm 2014, bà với ông Phạm Văn V quen biết với nhau, ông bà tổ chức đám cưới, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Thời gian đầu ông bà sống chung với nhau đầm ấm và hạnh phúc nhưng từ tháng 01 năm 2017 đến nay, bà và ông V xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không hợp thường hay bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau, ông V hay nhậu nhẹt, và hay bạo lực đối với bà. Từ tháng 01 năm 2017 đến nay, ông bà sống ly thân với nhau, bà sống ở số 2040, ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh cùng cha mẹ ruột, ông V sống ở số 124, ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng.

Nay, bà xác định không thể hàn gắn với ông V. Trong thời gian chung sống ông bà có 01 con chung tên Phạm Huỳnh Hoài N, sinh ngày 30/01/2014. Hiện nay, cháu đang sống chung với ông bà nội của cháu vì ông V đã tự ý bắt con của bà mang về nhà nội không cho bà tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Bà yêu cầu những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn V.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Phạm Huỳnh Hoài N đến khi cháu tròn 18 tuổi, không yêu cầu ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung. Bà làm công nhân thu nhập một tháng là 4.000.000đ đủ khả năng nuôi con trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Phạm Văn V trình bày:* Ông xác định lời trình bày trên của bà Huỳnh Thị Như Y là đúng về quá trình vợ chồng tìm hiểu, chung sống và phát sinh mâu thuẫn cũng như vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung nhưng ông có nhậu, ông có đánh bà Y nhưng bà Y cũng đánh lại ông. Nay, ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Như Y

Về con chung: Ông xác định trong thời gian chung sống ông bà có 01 con chung tên cháu Phạm Huỳnh Hoài N, sinh ngày 30/01/2014. Nếu Tòa án buộc phải ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, ông không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện cháu N chung đang sống với ông vì ông làm thợ xây khoảng 01 tháng nay ông lên Thành phố Hồ Chí Minh làm nên ông nhờ bà nội trông con dùm. Sau này, ông sẽ về xã B và trông nom con chung, thu nhập của ông khoảng 12.000.000đ/tháng.

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 27/02/2018, Tòa án nhân dân thị xã K đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39, các Điều 147; 179, 203 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Như Y.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Như Y được ly hôn với ông Phạm Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2014 quyển số 01/2014 của Ủy ban nhân dân xã B cấp cho bà Huỳnh Thị Như Y và ông Phạm Văn V ngày 05/3/2014 không còn giá trị sử dụng

Về con chung: Giao cháu Phạm Huỳnh Hoài N, sinh ngày 30/01/2014, giới tính nam cho bà Huỳnh Thị Như Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông Phạm Văn V không có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị Như Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006635 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An, bà Huỳnh Thị Như Y đã nộp đủ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 05/3/2018, bị đơn là ông Phạm Văn V kháng cáo không đồng ý một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông V kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Huỳnh Bảo N, sinh ngày 30/01/2014, ông V không yêu cầu bà Huỳnh Thị Như Y cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Phạm Văn T – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến: Cháu Phạm Huỳnh Bảo N, sinh ngày 30/01/2014, tính đến nay đã trên 04 tuổi, cháu N đã sinh sống với ông V từ lúc 20 tháng tuổi cho đến nay. Tại phiên

tòa phúc thẩm, bà Y thừa nhận từ tháng 12/2016 cho đến nay, bà Y không có thăm nom, chăm sóc con chung. Cháu N sinh sống với ông V vẫn phát triển bình thường về tinh thần và thể chất. Hơn nữa, cháu N hiện đang học tại trường mẫu giáo xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Do đó, để đảm bảo cho cháu N phát triển bình thường về tâm sinh lý, tinh thần và thể chất nên cần tiếp tục giao cháu N cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng.

Từ đó, ông Phạm Văn T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn V, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, giao cháu N cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn V thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Ông Phạm Văn V kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Huỳnh Bảo N, sinh ngày 30/01/2014, ông V không yêu cầu bà Huỳnh Thị Như Y cấp dưỡng nuôi con: Xét ông V hiện làm nghề thợ hồ, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng, còn bà Y làm công nhân, thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng nên ông V và bà Y đều có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, xét cháu Phạm Huỳnh Bảo N, sinh ngày 30/01/2014, tính đến nay đã trên 04 tuổi, cháu N đã sinh sống với ông V từ lúc 20 tháng tuổi cho đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y thừa nhận từ tháng 12/2016 cho đến nay, bà Y không có thăm nom, chăm sóc con chung. Cháu N sinh sống với ông V vẫn phát triển bình thường về tinh thần và thể chất. Hơn nữa, cháu N hiện đang học mẫu giáo ở xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Xét để đảm bảo cháu N phát triển bình thường về tâm sinh lý, tinh thần và thể chất nên cần tiếp tục giao cháu N cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V trình bày không yêu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của ông V đề nghị chấp nhận.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn V, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn V được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc ông Phạm Văn V kháng cáo yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Huỳnh Bảo N, sinh ngày 30/01/2014, ông V không yêu cầu bà Huỳnh Thị Như Y cấp dưỡng nuôi con:

Xét ông V hiện làm nghề thợ hồ, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/tháng, còn bà Y làm công nhân, thu nhập bình quân 5.000.000đồng/tháng nên ông V và bà Y đều có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, xét cháu Phạm Huỳnh Bảo N, sinh ngày 30/01/2014, tính đến nay đã trên 04 tuổi, cháu N đã sinh sống với ông V từ tháng 12/2016, tức từ lúc 20 tháng tuổi cho đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y thừa nhận từ tháng 12/2016 cho đến nay, bà Y không có về thị xã K thăm nom, chăm sóc con chung. Cháu N sinh sống với ông V vẫn phát triển bình thường về tinh thần và thể chất. Hơn nữa, cháu N hiện đang học mẫu giáo ở xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Do đó, để đảm bảo cháu N phát triển bình thường về tâm sinh lý, tinh thần và thể chất nên cần tiếp tục giao cháu N cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V trình bày không yêu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của ông V nên được chấp nhận.

[4] Xét việc ông Phạm Văn T – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị giao cháu Phạm Huỳnh Bảo N cho ông Phạm Văn V tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Từ nhận định ở đoạn [2], [3] và [4], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn V, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

Bà Huỳnh Thị Như Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Ông Phạm Văn V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn V.

- Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147; 179, 203 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Như Y về việc yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Như Y được ly hôn với ông Phạm Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2014 quyển số 01/2014 của Ủy ban nhân dân xã B cấp cho bà Huỳnh Thị Như Y và ông Phạm Văn V ngày 05/3/2014 không còn giá trị sử dụng

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Huỳnh Hoài N, sinh ngày 30/01/2014 cho ông Phạm Văn V tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thị Như Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị Như Y phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006635 ngày 13/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K nên bà Y không phải nộp tiếp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Phạm Văn V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006690 ngày 07/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND xã B, thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn